

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311202 - K t ấ n t ấ ch ấ nh ph n 1 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ẦY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3673011034	36CKT2	H L ² Ng c	An	16/05/1994				7.0	9.0		8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
2	3673010634	36CKT2	Nguy n Thi²n	An	09/04/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	2.0	1.4	3.4	
3	3673010454	36CKT2	Nguy n Th Ng c	Ánh	14/06/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
4	3673011014	36CKT2	Tr n Th	Ánh	09/07/1994				8.0	7.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
5	3673011620	36CKT2	Nguy n Ng c	Bích	28/12/1994				6.0	9.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
6	3673011925	36CKT2	Nguy n Th Ng c	Bích	15/04/1994				8.0	8.0		8.0	2.4	4.6	3.2	5.6	
7	3673010676	36CKT2	Nguy n Minh	Cang	26/09/1994				7.0	9.0		8.0	2.4	5.6	3.9	6.3	
8	3673010420	36CKT2	Nguy n Th B ớch	Chi	1994				8.0	9.0		8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
9	3673011861	36CKT2	Hu nh Th M	Dung	15/04/1994				8.0	9.0		8.5	2.6	4.0	2.8	5.4	
10	3673011002	36CKT2	Tr n Th M	Dung	25/04/1994				8.0	9.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
11	3673011255	36CKT2	Tr n Th Ng c	Dung	21/10/1994				8.0	9.0		8.5	2.6	5.6	3.9	6.5	
12	3673010414	36CKT2	Tr n Th Th ỷy	D ng	01/11/1994				5.0	9.0		7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
13	3673011525	36CKT2	Hu nh Hoa Trang	ấ ấ	02/08/1994				8.0	9.0		8.5	2.6	7.5	5.3	7.8	
14	3673010554	36CKT2	Nguy n Ph c	Gi i	09/11/1994				6.0	9.0		7.5	2.3	3.5	2.5	4.7	
15	3673010811	36CKT2	Nguy n Th M ng	Hà	28/10/1994				6.0	10.0		8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
16	3673011917	36CKT2	Nguy n Th Thu	Hà	04/04/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
17	3673010892	36CKT2	ấ ng Th Thanh	H ng	03/06/1994				8.0	10.0		9.0	2.7	7.3	5.1	7.8	
18	3673010835	36CKT2	L² Th Thu	H ng	23/05/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
19	3673011045	36CKT2	VHO ấ	H u	30/06/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311202 - K t ấ n t ấ ch ấ nh ph n 1 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ẦY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3673011898	36CKT2	Nguy n Th Thu	H i n	27/07/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
21	3673011284	36CKT2	V H ầ	H i n	16/11/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
22	3673011239	36CKT2	Nguy n Th	H i u	19/07/1994				8.0	8.0		8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
23	3673010673	36CKT2	Tr n Minh	H i u	05/11/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
24	3673011304	36CKT2	Nguy n Qu c	Ho ầ	30/07/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
25	3673011289	36CKT2	Ph m Th	Ho ầ	28/10/1994				6.0	8.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
26	3673011834	36CKT2	Nguy n Th Th ¾y	H o ầ	15/07/1994				7.0	9.0		8.0	2.4	4.6	3.2	5.6	
27	3673010450	36CKT2	Nguy n Th	H ng	02/03/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
28	3673010915	36CKT2	L ng Th Kim	Huy n	17/07/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	3.7	2.6	5.1	
29	3673011617	36CKT2	Ti n Minh	H ầ ng	20/09/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
30	3673011949	36CKT2	L ² Th Thu	H ng	01/01/1994				8.0	9.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
31	3673010848	36CKT2	Tr n Ng c My	H ng	24/01/1993				7.0	9.0		8.0	2.4	7.1	5.0	7.4	
32	3673011242	36CKT2	Nguy n Th	Ki u	26/10/1994				7.0	7.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
33	3673010883	36CKT2	Tr n M	Kim	16/06/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
34	3673011996	36CKT2	Xu ầ n Th ấ y	Kim	21/08/1994				8.0	8.0		8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
35	3673010539	36CKT2	Nguy n Đ ng Th ¾y	Linh	30/03/1994				8.0	8.0		8.0	2.4	4.1	2.9	5.3	
36	3673010765	36CKT2	Tr nh Th C m	Linh	21/10/1994				6.0	7.0		6.5	2.0	5.2	3.6	5.6	
37	3673011298	36CKT2	Nguy n V ấ	L i	15/05/1993				8.0	10.0		9.0	2.7	6.0	4.2	6.9	
38	3673010561	36CKT2	Qu ầ ch Th	L ng	01/12/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	4.5	3.2	5.7	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311202 - K t ấ n t ấ ch ấ nh ph n 1 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3673010749	36CKT2	Nguy n Th Ki u My	19/10/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	2.7	1.9	4.1	
40	3673011011	36CKT2	Tr n Th Ki u My	01/12/1993				7.0	9.0		8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	
41	3673011022	36CKT2	Tr n Th Ly Na	07/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
42	3673010552	36CKT2	H Th ấ nh Ng c	25/02/1994				5.0	7.0		6.0	1.8	4.4	3.1	4.9	
43	3673011265	36CKT2	Ph m Th H ng Ng c	01/01/1994				8.0	10.0		9.0	2.7	5.7	4.0	6.7	
44	3673010979	36CKT2	Tr n Th Nh Ng c	10/07/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
45	3673011517	36CKT2	Nguy n Th Th o Nguy ấ n	10/09/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
46	3673010737	36CKT2	D ng B u Nguy t	08/07/1994				8.0	10.0		9.0	2.7	5.5	3.9	6.6	
47	3673010699	36CKT2	ấ o ấ Th Thanh Nguy t	18/03/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	5.6	3.9	6.5	
48	3673010771	36CKT2	Nguy n Th ấ y Nhi	05/11/1994				7.0	9.0		8.0	2.4	5.4	3.8	6.2	
49	3673010778	36CKT2	B ấ i Th Ph ng Nhung	01/10/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
50	3673010603	36CKT2	Nguy n Th C m Nhung	20/05/1994				8.0	10.0		9.0	2.7	6.2	4.3	7.0	
51	3673010410	36CKT2	L c Gia Ph i	02/08/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
52	3673011883	36CKT2	V ấ Ng c Phú	29/05/1994				8.0	9.0		8.5	2.6	6.6	4.6	7.2	
53	3673011568	36CKT2	Huu nh Th M Ph ng	20/05/1994				9.0	9.0		9.0	2.7	8.0	5.6	8.3	
54	3673010489	36CKT2	Ho ấ ng Thu Ph ng	27/11/1994				6.0	8.0		7.0	2.1	3.7	2.6	4.7	
55	3673011865	36CKT2	D ng Th Thanh Ph ng	09/03/1994				8.0	10.0		9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	
56	3673010741	36CKT2	Ph m Thanh Quy ấ n	17/02/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	5.2	3.6	5.9	
57	3673011624	36CKT2	Nguy n Th Minh Quý	17/02/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311202 - K t ấ n t ấ ch ấ nh ph n 1 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3673010707	36CKT2	Nguy n V ấ Sang	26/06/1993				5.0	10.0		7.5	2.3	3.4	2.4	4.6	
59	3673010470	36CKT2	Tr n Th Sen	26/11/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	4.1	2.9	5.4	
60	3673011931	36CKT2	ấ ng Tam S n	29/04/1994				9.0	9.0		9.0	2.7	7.1	5.0	7.7	
61	3673010559	36CKT2	ấ ng Th S ng	24/02/1994				10.0	10.0		10.0	3.0	6.0	4.2	7.2	
62	3673010601	36CKT2	Ngô Thanh Tâm	1993				8.0	8.0		8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
63	3673011836	36CKT2	Nguy n Ng c Minh Tân	24/06/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	3.6	2.5	5.1	
64	3673010949	36CKT2	Tr n Minh Tân	01/03/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
65	3673010838	36CKT2	Nguy n Th C m Tiên	19/10/1994				8.0	9.0		8.5	2.6	4.3	3.0	5.6	
66	3673010941	36CKT2	Nguy n Th B ấ ch Tuy n	05/11/1994				10.0	7.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
67	3673011623	36CKT2	Nguy n Th ấ nh Tuy t	19/06/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	4.4	3.1	5.3	N HP
68	3673010935	36CKT2	Lý Minh Tú	07/09/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	0.0	0.0	2.3	N HP
69	3673010630	36CKT2	Ng» Th M ấ Tú	1994				8.0	8.0		8.0	2.4	5.3	3.7	6.1	
70	3673010604	36CKT2	Nguy n Th Thanh Th o	16/07/1994				9.0	8.0		8.5	2.6	5.1	3.6	6.1	
71	3673010719	36CKT2	Phan Th Ph ng Th o	14/07/1994				8.0	9.0		8.5	2.6	8.0	5.6	8.2	
72	3673010966	36CKT2	Tr ng Th Thu	15/09/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
73	3673010844	36CKT2	Mai Th Ng c Thu	19/02/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
74	3673010608	36CKT2	Tr ng Th Thu	10/08/1993				8.0	10.0		9.0	2.7	4.4	3.1	5.8	
75	3673011681	36CKT2	V ấ Th Thu	23/02/1994				7.0	8.0		7.5	2.3	5.3	3.7	6.0	
76	3673010599	36CKT2	V ấ Th Thanh Thuý	19/09/1994				7.0	9.0		8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CKT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 5
(75,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311202 - K t ấ n t ấ ch ấ nh ph n 1 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3673011044	36CKT2	Nguy n Th Th ng	23/08/1994				8.0	10.0		9.0	2.7	7.5	5.3	8.0	
78	3673010931	36CKT2	Ph m Th Thu Trang	20/12/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	5.0	3.5	5.8	
79	3673011586	36CKT2	L ² Th Huy n Tr ầ m	30/07/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
80	3673010459	36CKT2	Th ầ i Ng c B o Tr ầ m	03/08/1993				7.0	9.0		8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
81	3673010517	36CKT2	ấ Minh Trí	17/10/1994				6.0	9.0		7.5	2.3	3.0	2.1	4.4	
82	3673010998	36CKT2	Tr n Th Thanh Trú c	09/11/1994				6.0	9.0		7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
83	3673010912	36CKT2	Nguy n Ng c Vui	01/01/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	6.0	4.2	6.8	
84	3673011840	36CKT2	Nguy n Kim Xinh	01/01/1994				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
85	3673010616	36CKT2	Đi p H ng Y n	20/04/1994				7.0	7.0		7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
86	3673010695	36CKT2	Nguy n Th H ồ ng Y n	06/01/1994				7.0	10.0		8.5	2.6	5.6	3.9	6.5	

T ng s : 86 h c sinh sinh vĩ ² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ầ o Vĩ ² n B M ầ n

Gi ầ o V Khoa